



CỤC THUẾ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Luật Quản lý Thuế 38/2019/QH14

01

02

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP

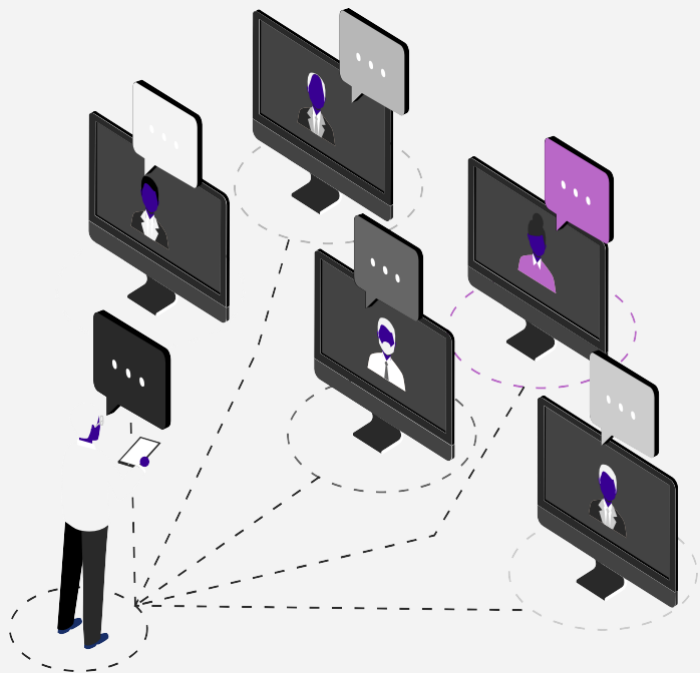
Thông tư số 78/2021/TT-BTC

03



Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 23 tháng 03 năm 2023

NỘI DUNG TẬP HUẤN



01 Tổng quan HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền và lộ trình triển khai

02 Đối tượng triển khai áp dụng

03 Đăng ký, sử dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền

04 Tra cứu HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền

05 Lợi ích của HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền

01

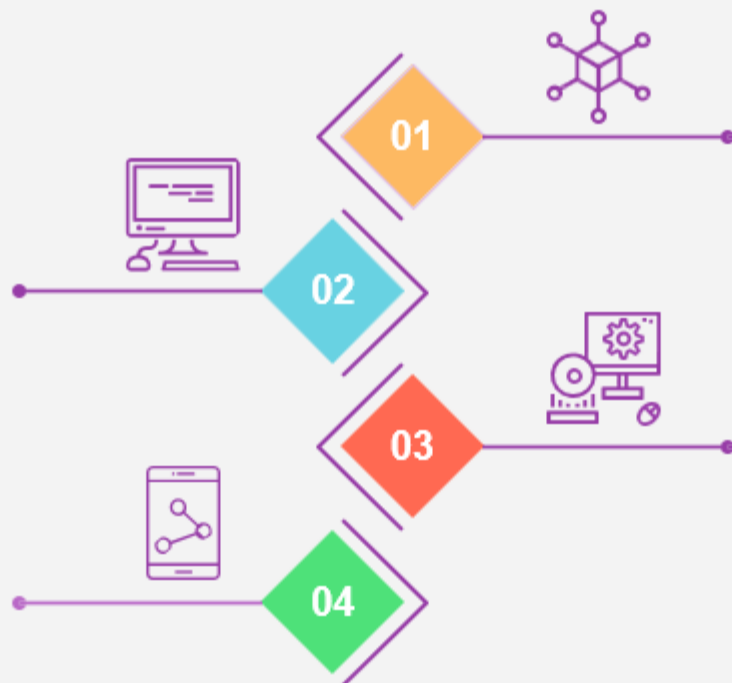
Tổng quan HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền và lộ trình triển khai



1.1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Nghị định
123/2020/NĐ-CP
Thông tư
78/2021/TT-BTC

Quyết định
1391/QĐ-TCT
Khoản 2 Điều 2
Quy trình quản lý
HDDT có mã của
CQT khởi tạo từ máy
tính tiền



Luật Quản lý thuế
38/2019/QH14

Khoản 1 Điều 89
và khoản 2 Điều 90

Quyết định
1510/QĐ-TCT

Quy định về thành
phần chứa dữ liệu
nghiệp vụ HDDT và
Phương thức truyền
nhận với CQT

1.2. HĐĐT được khởi tạo từ MTT kết nối chuyển dữ liệu điện tử với CQT là gì?

HĐĐT được khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế (sau đây gọi tắt là HĐĐT từ máy tính tiền) là **HĐĐT có mã của cơ quan thuế** được thể hiện ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ lập, ghi nhận thông tin bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế bằng phương tiện điện tử.



1.3. HĐĐT khởi tạo từ MTT phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

Có đăng ký sử dụng và đảm bảo nguyên tắc nhận biết được hóa đơn in từ MTT kết nối chuyển dữ liệu điện tử với CQT.

Khoản chi mua HHDV sử dụng HĐĐT MTT được xác định là khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp khi xác định nghĩa vụ thuế.

Người bán có trách nhiệm **sử dụng dải ký tự mã của CQT cấp** khi lập hóa đơn để đảm bảo **liên tục và duy nhất**.

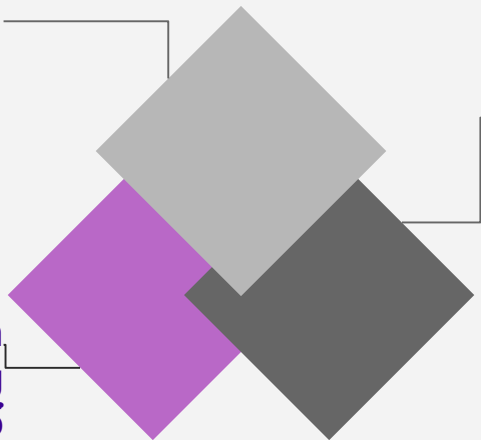
Chuyển dữ liệu HĐĐT có mã của CQT đã khởi tạo từ MTT cho cơ quan thuế.



1.4. Máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với CQT

Là thiết bị điện tử đồng bộ hay một hệ thống nhiều thiết bị điện tử được kết hợp với nhau bằng giải pháp công nghệ thông tin

Được kết nối chuyển dữ liệu đến CQT theo định dạng chuẩn bằng phương thức điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu điện tử.



Có chức năng: Tính tiền, lưu trữ các thao tác bán hàng, số liệu bán hàng, khởi tạo hóa đơn điện tử có dải ký tự mã của cơ quan thuế đảm bảo duy nhất, tra cứu giao dịch, báo cáo giao dịch,...

1.5. Mã của CQT trên HĐĐT khởi tạo từ MTT



Mã của cơ quan thuế là dải ký tự bao gồm **23 ký tự**.

Trong đó 20 ký tự được chia làm 4 nhóm và 3 ký tự là dấu gạch ngang (-).

Mã của cơ quan thuế trên HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền **có thể thiết lập cho nhiều máy tính tiền tại một hoặc nhiều địa điểm kinh doanh, đơn vị phụ thuộc** đảm bảo tính duy nhất của từng hóa đơn.

1.5. Mã của CQT trên HĐĐT khởi tạo từ MTT

$C_1C_2 - C_3C_4 - C_5C_6C_7C_8C_9 - C_{10}C_{11}C_{12}C_{13}C_{14}C_{15}C_{16}C_{17}C_{18}C_{19}C_{20}$

C1: chữ cái M cố định thể hiện dấu hiệu nhận biết HDDT được khởi tạo từ MTT theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

C2: là ký hiệu được gắn cố định thể hiện loại hóa đơn điện tử từ 1 đến 6 theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

C3C4: là 02 số cuối của năm phát hành hóa đơn được sinh tự động từ phần mềm bán hàng của NNT.

C5C6C7C8C9: là một chuỗi 05 ký tự do CQT cấp theo hình thức tự sinh từ hệ thống HĐĐT của CQT đảm bảo tính duy nhất.

**C10C11C12C13
C14C15C16C17
C18C19C20:** là chuỗi 11 số được tự sinh từ phần mềm bán hàng đảm bảo tính duy nhất.

1.6. Ký hiệu HĐĐT khởi tạo từ MTT

Lưu ý:

1. Mã của CQT (C_1C_2) thực hiện theo quy định tại Quyết định 1391/QĐ-TCT.

Ví dụ:

- **M1** – HĐĐT khởi tạo từ MTT là HĐ GTGT
- **M2** - HĐĐT khởi tạo từ MTT là HĐ Bán hàng

2. Ký hiệu hóa đơn thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

Ví dụ:

- **1C23TAA** - HĐ GTGT là HĐĐT có mã của CQT
- **1C23MAA** - HĐ GTGT là HĐĐT khởi tạo từ MTT



1.6. Ký hiệu HĐĐT khởi tạo từ MTT

Lưu ý:

Đối với các doanh nghiệp **đang sử dụng tem, vé, thẻ điện tử** theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP **và có sử dụng máy tính tiền** thì khi đăng ký sử dụng dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền, doanh nghiệp **vẫn sử dụng ký hiệu tem, vé, thẻ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.**

Ví dụ:

- Ký hiệu đối với tem, vé, thẻ điện tử là hóa đơn giá trị gia tăng: 5C23**G**YY
- Ký hiệu đối với tem, vé, thẻ điện tử là hóa đơn bán hàng: 5C23**H**YY



1.6. Ký hiệu HĐĐT khởi tạo từ MTT

Lưu ý:

- Mã cơ quan thuế cấp 5 ký tự định danh NNT theo hình thức tự sinh từ hệ thống HĐĐT không thay đổi để đảm bảo tính duy nhất. Kể cả trường hợp NNT đăng ký thay đổi thông tin hoặc ngừng sử dụng rồi tiếp tục sử dụng.



NHẬN BIẾT

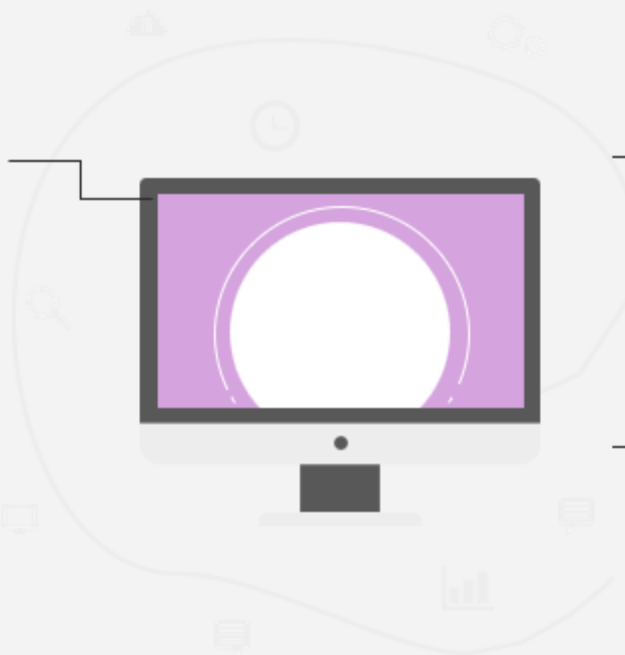
HĐĐT CÓ MÃ CỦA CQT KHỞI TẠO TỪ MTT



- Mã của cơ quan thuế là dài ký tự bao gồm **23 ký tự**.
- **Không bắt buộc** có chữ ký số;



- NNT được cấp một chuỗi gồm **5 ký tự** từ hệ thống HĐĐT, **định danh NNT** và đảm bảo tính **duy nhất**.



HĐĐT CÓ MÃ CỦA CƠ QUAN THUẾ

- Mã của cơ quan thuế là dài ký tự bao gồm **34 ký tự**.
- **Bắt buộc phải** có chữ ký số của người bán.



- **Số giao dịch** là một dãy số **duy nhất** do hệ thống của CQT tạo ra.



1.7. Lộ trình triển khai





02

Đối tượng triển
khai áp dụng
HĐĐT khởi tạo
từ máy tính tiền

2. ĐỐI TƯỢNG TRIỂN KHAI ÁP DỤNG



Trung tâm thương mại,
Siêu thị, Bán lẻ hàng tiêu
dùng



Ăn uống, nhà hàng,
khách sạn



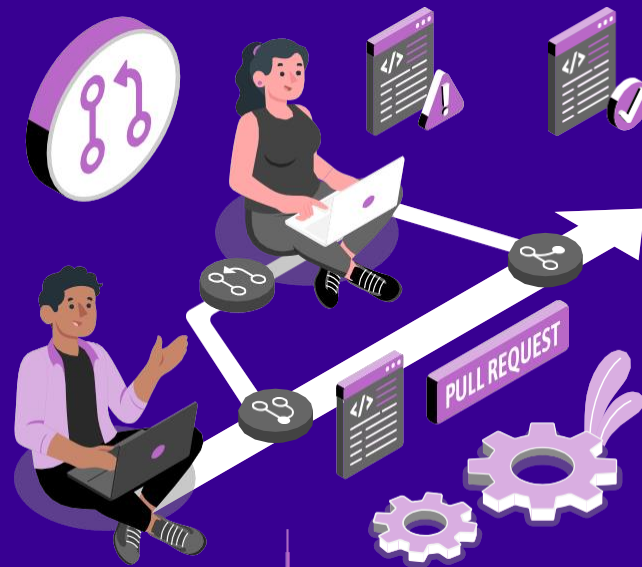
Bán lẻ thuốc tân dược



Dịch vụ vui chơi, giải trí
và các dịch vụ khác

Đăng ký, sử dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền

03



TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI BÁN



01

Đăng ký sử dụng



02

Lập hóa đơn theo quy định tại Điều 11 Nghị định 123/2020/NĐ-P và Điều 8 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.



03

Có trách nhiệm sử dụng dải ký tự mã của cơ quan thuế cấp khi lập hóa đơn đảm bảo liên tục và duy nhất;



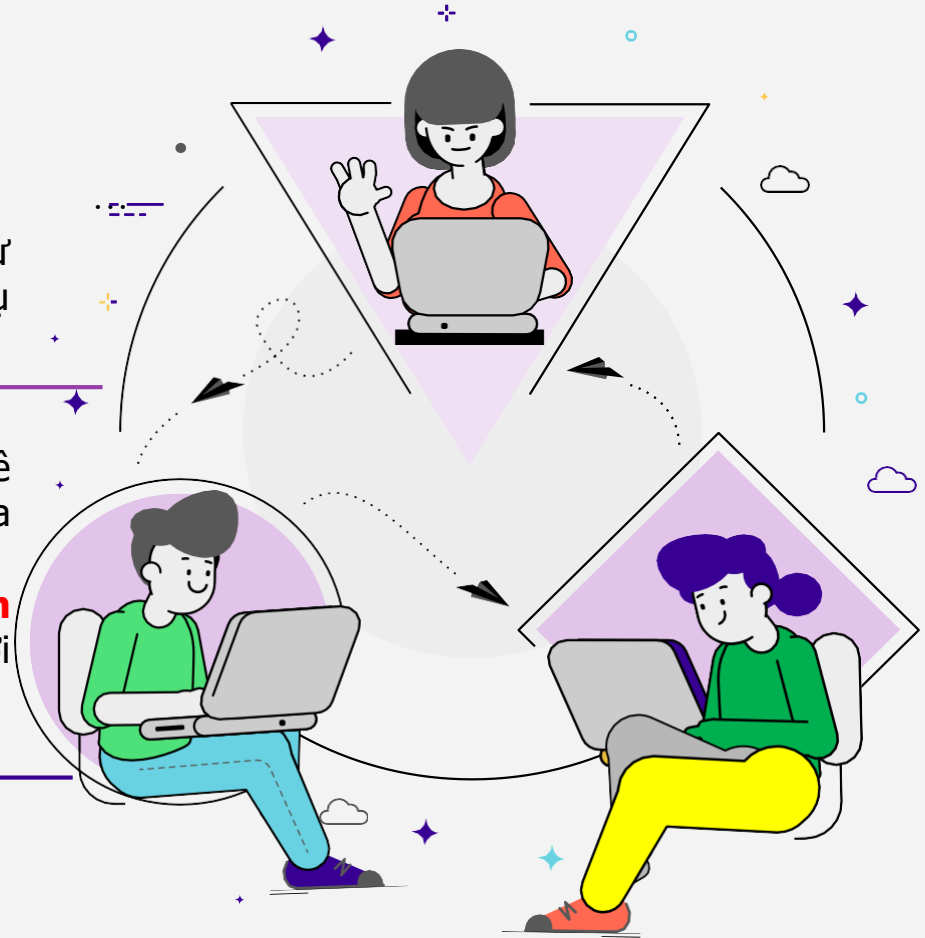
04

Chuyển dữ liệu HĐĐT cho CQT ngay trong ngày thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu điện tử.

DN, HKD đăng ký và sử dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền theo mẫu **01/ĐKTĐ-HĐĐT** Phụ lục IA Nghị định 123/2020/NĐ-CP.

Phương thức Cổng điện tử tiếp nhận thông tin về hóa đơn có mã khởi tạo từ máy tính tiền của NNT gửi đến cơ quan thuế.

- Tiếp nhận **trực tiếp từ các doanh nghiệp/tổ chức kết nối trực tiếp** (đối với doanh nghiệp/tổ chức kết nối trực tiếp).
- Tiếp nhận **thông qua tổ chức truyền nhận**



CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA TỔNG CỤC THUẾ DÀNH CHO HÓA ĐƠN CÓ MÃ KHỞI TẠO TỪ MÁY TÍNH TIỀN



Trang <https://hoadondientu.gdt.gov.vn>

Trường hợp có **thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng** HĐĐT khởi tạo từ MTT, doanh nghiệp, hộ kinh doanh **thực hiện** thay đổi thông tin và gửi lại cơ quan thuế theo **Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT** Phụ lục IA Nghị định 123/2020/NĐ-CP qua Hệ thống HĐĐT của Tổng cục Thuế, trừ trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 123/2020/NĐ-CP.



NNT

01/ĐKTĐ-HĐĐT

Đăng ký/thay đổi

Hệ thống

Tự động đối chiếu

01/TB-TNĐT

Trong thời gian **01 ngày làm việc** kể từ ngày Cổng điện tử gửi thông báo cho NNT

Hệ thống

Tự động đối chiếu thông tin trên Mẫu 01/ĐKTĐ-HĐĐT

Thông báo **chấp nhận** đăng ký sử dụng có chứa **Mã của CQT trên HĐĐT khởi tạo từ MTT (5 ký tự)**, đảm bảo tính duy nhất.

- Tổ chức truyền nhận
- Tài khoản Cổng điện tử
- Email đăng ký sử dụng

01/TB-ĐKĐT

Sau khi đối chiếu thông tin trên Mẫu 01/ĐKTĐ-HĐĐT

1. Không thuộc đối tượng ngừng sử dụng HĐĐT
2. Phương thức chuyển dữ liệu HĐĐT
3. Loại hóa đơn sử dụng
4. **Ngành nghề kinh doanh**

Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày Công điện tử gửi thông báo về việc tiếp nhận Mẫu số 01/TB-TNĐT, cơ quan thuế quản lý sẽ gửi thông báo Mẫu số 01/TB-ĐKĐT về việc chấp nhận/không chấp nhận thay đổi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Mẫu số: 01/TB-ĐKĐT

CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHI CỤC THUẾ QUẬN HAI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 708/TB-CCTQ2-HĐĐT Quận 2, ngày 11 tháng 10 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc chấp nhận thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử

Kính gửi: Ông/Tên/Thưa Ông/Tên (Số: 0100736000)

Sau khi xem xét tờ khai thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử ngày 11/10/2022.
Cơ quan thuế thông báo chấp nhận đề nghị thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử của đơn vị.

Tài khoản đã được gửi đến hộp thư điện tử của người nộp thuế/điện thoại liên hệ, đề nghị người nộp thuế thực hiện khai báo các thông tin liên quan theo nội dung hướng dẫn của cơ quan thuế tại phụ lục đính kèm.

Trường hợp người nộp thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã không trả tiền dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, cơ quan thuế thông báo người nộp thuế đăng ký giao dịch sử dụng hóa đơn điện tử miễn phí qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử. Thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử do Tổng cục Thuế ủy thác tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế

Chuỗi năm ký tự duy nhất cơ quan thuế cấp là **0LRTW**

Quy tắc Mã của cơ quan thuế trên hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền là dải ký tự bao gồm 23 ký tự có cấu trúc như sau: C₁C₂-C₃C₄-0LRTW-C₁₀C₁₁C₁₂C₁₃C₁₄C₁₅C₁₆C₁₇C₁₈C₁₉C₂₀

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế biết, thực hiện./.

GỬI DỮ LIỆU HĐĐT ĐẾN CQT



NNT

Gói dữ liệu HĐĐT
khởi tạo từ MTT



CQT

- Người bán phải chuyển dữ liệu HĐĐT có mã của CQT đã khởi tạo từ máy tính tiền cho CQT **ngay trong ngày** (Dữ liệu được ký số theo lô (2MB/lô) thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu điện tử.
- Hệ thống của cơ quan thuế khi tiếp nhận sẽ kiểm tra chữ ký số, trạng thái MST, định dạng mã của cơ quan thuế.
- Trường hợp **kết quả đối chiếu là hợp lệ** thì **dữ liệu sẽ được lưu vào Hệ thống**.
- Trường hợp **kết quả đối chiếu là không hợp lệ** thì **dữ liệu không được lưu vào Hệ thống**.

XỬ LÝ HỒĐT KHỞI TẠO TỪ MTT CÓ SAI SÓT

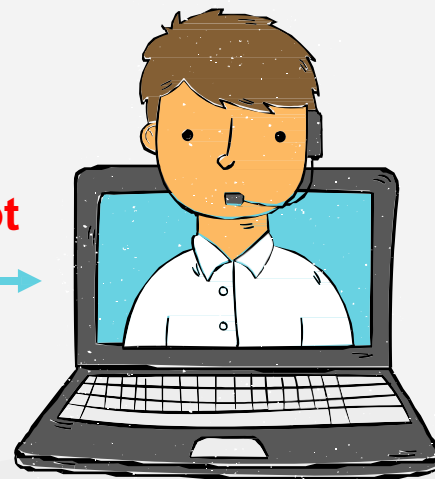
Thực hiện theo Điều 19 Nghị định 123/2020/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư 78/2021/TT-BTC



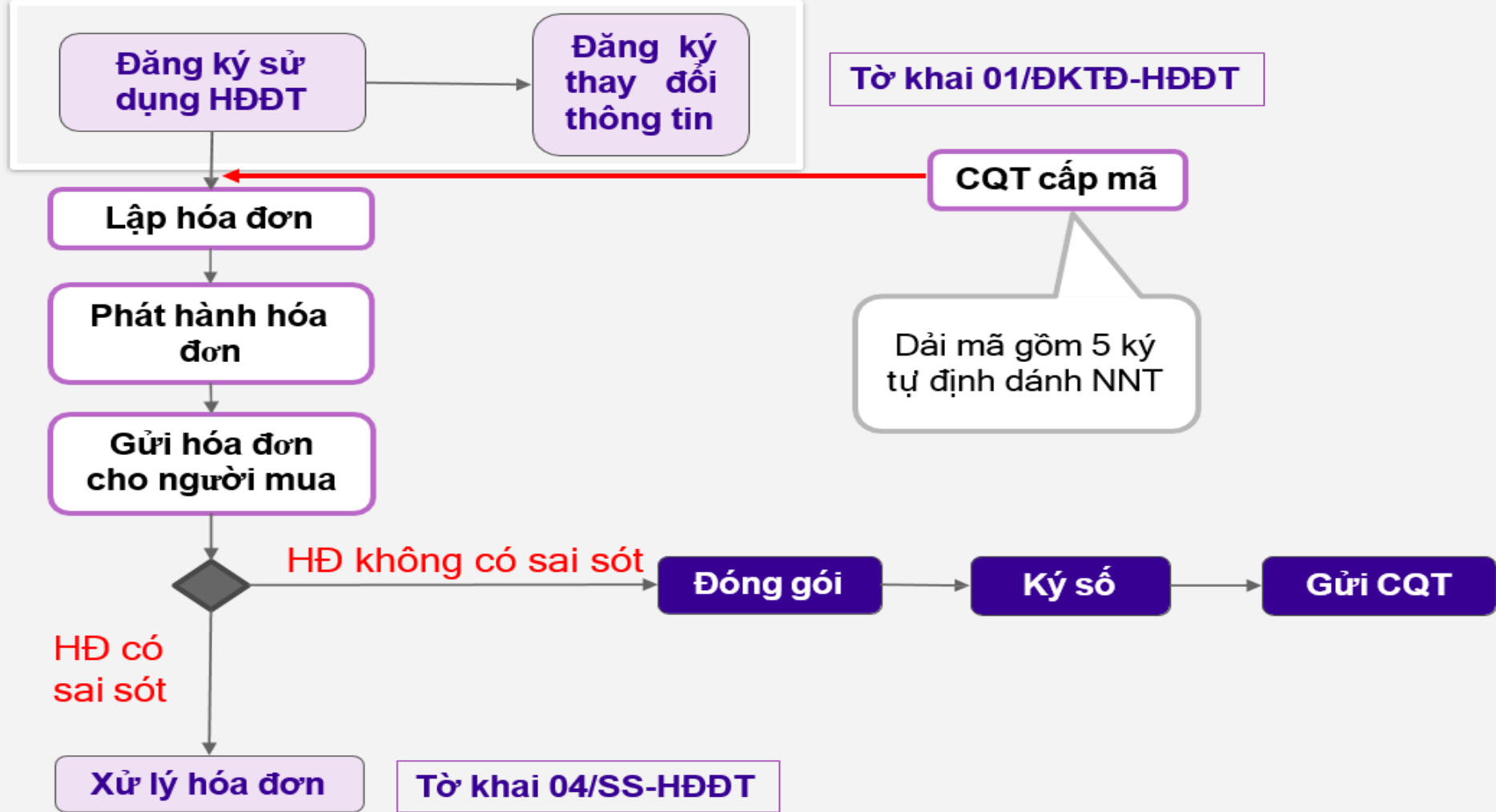
NNT

Gói dữ liệu thông
báo HỒĐT có sai sót

Mẫu 04/SS-HỒĐT



CQT



04

**Tra cứu HĐĐT
khởi tạo từ
máy tính tiền**



Tra cứu hóa đơn điện tử không cần đăng nhập

Để tra cứu thông tin liên quan đến hóa đơn, người sử dụng chọn “Tra cứu hóa đơn điện tử” và nhập một số thông tin của hóa đơn.

Tra cứu hóa đơn điện tử Tra cứu DN đăng ký sử dụng HĐĐT - MTT Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

MST người bán (*)
10217... = 3

Loại hóa đơn (*)
Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng

Ký hiệu hóa đơn (*)
C22MGT

Số hóa đơn (*)
51

Tổng tiền thuế
[]

Tổng tiền thanh toán
8.820.761,262133

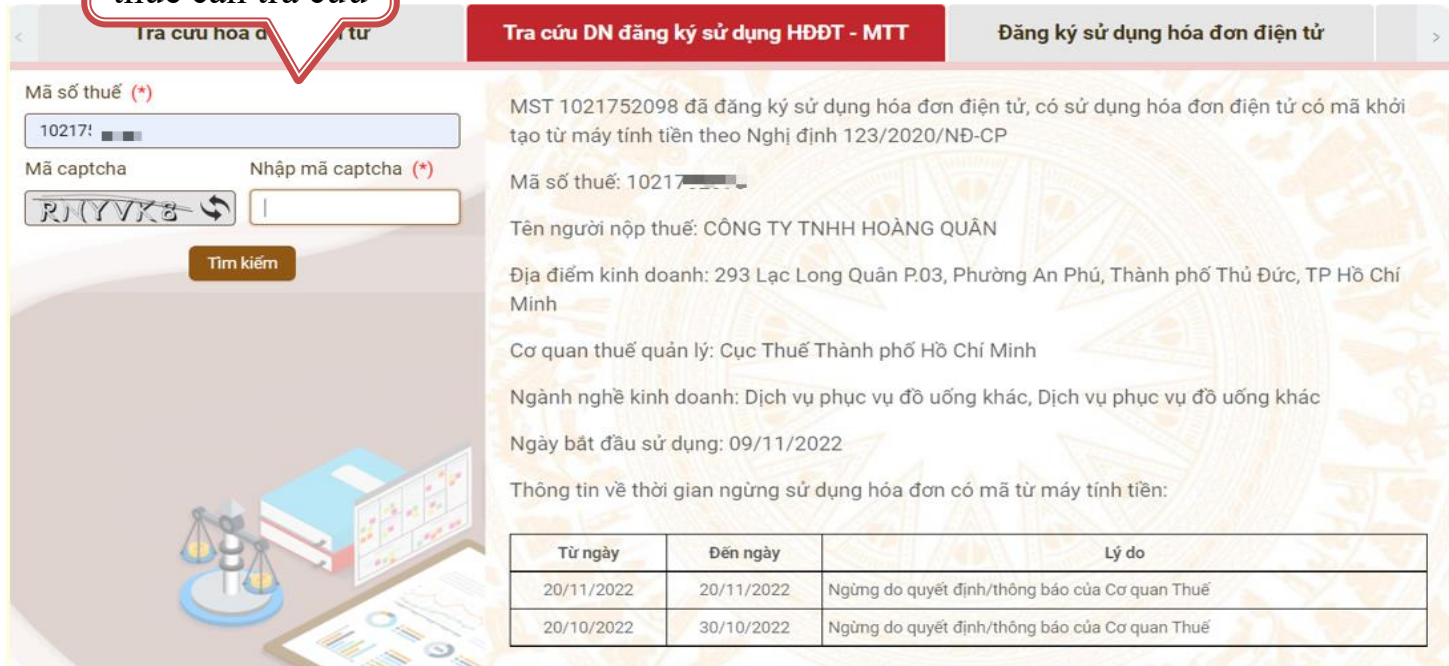
Mã captcha Nhập mã captcha (*)
X2S18Q []

Tìm kiếm

Tồn tại hóa đơn có thông tin trùng khớp với các thông tin tổ chức, cá nhân tìm kiếm.
Ngày lập hóa đơn thuộc thời gian ngừng sử dụng hóa đơn điện tử.
Trạng thái xử lý hoá đơn: Tổng cục thuế đã nhận hóa đơn có mã khởi tạo từ máy tính tiền

Tra cứu doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

Để tra cứu doanh nghiệp đã đăng ký sử dụng hóa đơn có mã khởi tạo từ máy tính tiền. Người sử dụng chọn “**Nhập mã số thuế cần tra cứu**” ký sử dụng HĐĐT - MTT”



The screenshot shows a web interface for searching businesses. The main heading is "Tra cứu DN đăng ký sử dụng HĐĐT - MTT". Below it, there are two tabs: "Tra cứu DN đăng ký sử dụng HĐĐT - MTT" (selected) and "Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử".

On the left side, there is a search form with the following fields:

- Mã số thuế (*): 10217! [mask]
- Mã captcha: [image]
- Nhập mã captcha (*): [input]
- Button: Tìm kiếm

On the right side, the search results for MST 1021752098 are displayed:

MST 1021752098 đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, có sử dụng hóa đơn điện tử có mã khởi tạo từ máy tính tiền theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP

Mã số thuế: 10217[masked]

Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH HOÀNG QUÂN

Địa điểm kinh doanh: 293 Lạc Long Quân P.03, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Cơ quan thuế quản lý: Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ phục vụ đồ uống khác, Dịch vụ phục vụ đồ uống khác

Ngày bắt đầu sử dụng: 09/11/2022

Thông tin về thời gian ngừng sử dụng hóa đơn có mã từ máy tính tiền:

Từ ngày	Đến ngày	Lý do
20/11/2022	20/11/2022	Ngừng do quyết định/thông báo của Cơ quan Thuế
20/10/2022	30/10/2022	Ngừng do quyết định/thông báo của Cơ quan Thuế

Tra cứu Hóa đơn/Thông báo khi Đăng nhập vào tài khoản NNT

NNT thực hiện truy cập trang <https://hoadondientu.gdt.gov.vn>, chọn “Đăng nhập” và nhập thông tin để đăng nhập vào tài khoản



HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Tiết kiệm - An toàn - Minh bạch

[Trang chủ](#) [Giới thiệu](#) [Hỗ trợ](#) [Liên hệ](#) [Danh sách TCTN](#)

[Đăng nhập](#)

Tra cứu hóa đơn điện tử | Tra cứu DN đăng ký sử dụng HDDT - MTT | Đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử

MST người bán (*)

Loại hóa đơn (*)
Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng

Ký hiệu hóa đơn (*)
Nhập ký hiệu hóa đơn, Ví dụ C21TAA hoặc K21TAA

Số hóa đơn (*)

Tổng tiền thuế

Tổng tiền thanh toán

Nhập mã captcha (*)

Tim kiếm

❖ Tra cứu:

- Tra cứu hóa đơn có mã khởi tạo từ máy tính tiền cơ quan thuế đã tiếp nhận:
 - + Hóa đơn bán ra
 - + Hóa đơn mua vào
- Tra cứu thông báo từ cơ quan thuế gửi tới người nộp thuế:
 - + Thông báo 01/TB –KTDL
 - + Thông báo 01/TB – TNĐT
 - + Thông báo 01/TB – ĐKĐT
 - + Thông báo 04/TB-SSĐT hoặc 04/TB - HĐSS

Chức năng Tra cứu dữ liệu:

The screenshot displays the top navigation bar of the 'Hệ thống Hóa đơn Điện tử' (Electronic Invoice System) website. The header includes the system logo, the slogan 'Tiết kiệm - An toàn - Minh bạch', and navigation links for 'Trang chủ', 'Giới thiệu', 'Hỗ trợ', 'Liên hệ', and 'Danh sách TCTN'. A notification bell icon with a red '2' and a user profile icon are also present. Below the header is a main menu with several categories, each with a dropdown arrow: 'Thông báo hóa đơn phát sinh sai sót', 'Quản lý hóa đơn phát sinh', 'Đề nghị cấp hóa đơn', 'Quản lý đăng ký', and 'Quản lý đăng ký ủy nhiệm'. A red arrow points to the 'Tra cứu' (Search) dropdown menu, which is expanded to show four options: 'Tra cứu hóa đơn', 'Tra cứu bảng tổng hợp', 'Thông báo từ CQT', and 'Tra cứu đề nghị phát sinh'.

HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Tiết kiệm - An toàn - Minh bạch

Trang chủ Giới thiệu Hỗ trợ Liên hệ Danh sách TCTN

Thông báo hóa đơn phát sinh sai sót Quản lý hóa đơn phát sinh Đề nghị cấp hóa đơn Quản lý đăng ký Quản lý đăng ký ủy nhiệm

Quản lý hệ thống Quản lý danh mục **Tra cứu**

- Tra cứu hóa đơn
- Tra cứu bảng tổng hợp
- Thông báo từ CQT
- Tra cứu đề nghị phát sinh

❖ Tra cứu hóa đơn

Tra cứu hóa đơn bán ra (các hóa đơn cơ quan thuế đã tiếp nhận)

Danh sách hóa đơn điện tử bán ra

MST người mua _____ **Bước 2: Tìm kiếm**

CCCD người mua _____

Trạng thái hóa đơn (*) Tất cả

Ngày lập hóa đơn (*) Từ ngày 21/09/2022 Đến ngày 20/10/2022

Kết quả kiểm tra (*) Tổng cục thuế đã nhận hóa đơn có mã khởi tạo từ máy tính tiền

Ký hiệu mẫu số hóa đơn _____

Số hóa đơn _____

Ký hiệu hóa đơn _____

Bước 3

Các nút chức năng

Có 21 kết quả

Bước 1: Chọn tab Hóa đơn có mã khởi tạo từ máy tính tiền

Khu vực danh sách kết quả

STT	Ký hiệu mẫu số	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày lập	Thông tin hóa đơn	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chiết khấu thương mại
1	2	C22MBH	20	16/10/2022	MST người mua: 0109 Tên người mua: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN BẤT ĐỘNG SẢN Căn cước công dân: 142640221			+82.479,99684
2	2	C22MBH	19	16/10/2022	MST người mua: 0109 Tên người mua: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN BẤT ĐỘNG SẢN Căn cước công dân: 142640221			+82.479,99684

❖ Tra cứu Hóa đơn

Tra cứu hóa đơn mua vào (các hóa đơn cơ quan thuế đã tiếp nhận)

Tra cứu hóa đơn điện tử bán ra Tra cứu hóa đơn điện tử mua vào

Danh sách hóa đơn điện tử mua vào

MST người bán **Bước 2: Tìm kiếm. Chọn Kết quả kiểm tra = Tổng cục thuế đã nhận hóa đơn có mã khởi tạo từ máy tính tiền**

Trạng thái hóa đơn (*) Tất cả

Kết quả kiểm tra (*) Tổng cục thuế đã nhận hóa đơn có mã khởi tạo từ máy tính tiền

Số hóa đơn

CCCD người mua

Ngày lập hóa đơn (*) Từ ngày 21/09/2022 Đến ngày 20/10/2022

Ký hiệu mẫu số hóa đơn

Ký hiệu hóa đơn

Bước 3

Các nút chức năng

Bước 1: Chọn tab Hóa đơn có mã khởi tạo từ máy tính tiền

Có 17 kết quả

Hóa đơn điện tử **Hóa đơn có mã khởi tạo từ máy tính tiền**

Khu vực danh sách kết quả

STT	Ký hiệu mẫu số	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày lập	Thông tin người bán	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chiết khấu thương mại
1	2	C22MBH	20	16/10/2022	MST người bán: 01097... Tên người bán: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN BẤT ĐỘNG SẢN... Căn cước công dân: 142640221			+82.479,99684
2	2	C22MBH	19	16/10/2022	MST người bán: 010973... Tên người bán: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN BẤT ĐỘNG SẢN... Căn cước công dân: 142640221			+82.479,99684

Tra cứu thông báo từ CQT

Vào chức năng Tra cứu/ Thông báo từ CQT

The screenshot shows the 'HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ' (Online Electricity Bill System) interface. The header includes the system logo and slogan 'Tiết kiệm - An toàn - Minh bạch'. Navigation links include 'Trang chủ', 'Giới thiệu', 'Liên hệ', and 'Danh sách TCTN'. A dropdown menu for 'Tra cứu' is open, showing options like 'Tra cứu hóa đơn', 'Tra cứu bảng tổng hợp', 'Thông báo từ CQT', and 'Tra cứu đề nghị phát sinh'. A red callout bubble points to the 'Tra cứu' dropdown with the text 'B2: Chọn loại thông báo cần xem'. Another red callout bubble points to the 'Thông báo từ CQT' option with the text 'B1: Chọn'. A third red callout bubble points to the search input field with the text 'B3: Nhập điều kiện tìm kiếm'. The search results section shows 'Có 0 kết quả' and a table with columns: STT, Số thông báo, Ngày cơ quan thuế gửi, Tên thông báo, Mã giao dịch, and Kết quả thông báo. The table content is empty, with the text 'Không có dữ liệu hiển thị' (No data to display).

B2: Chọn loại thông báo cần xem

B1: Chọn

B3: Nhập điều kiện tìm kiếm

HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Tiết kiệm - An toàn - Minh bạch

Trang chủ Giới thiệu Liên hệ Danh sách TCTN

Thông báo hóa đơn phát sinh sai sót Quản lý hóa đơn phát sinh Đề nghị cấp hóa đơn Quản lý đăng ký Quản lý đăng ký ủy nhiệm Quản lý hệ thống Quản lý danh mục Tra cứu

Thông báo 01/TB-KTDL Thông báo 01/TB-TNDT Thông báo 01/TB-DKDT Thông báo 01/TB-SSDT hoặc 01/TB-HDSS Thông báo 01/TB-KTT 01-1/QT-HDDT

Danh sách thông báo 01/TB-KTDL

Mã giao dịch Ngày gửi thông báo

Mã giao dịch (*)

Tìm kiếm Bỏ tìm kiếm

Có 0 kết quả

Hóa đơn điện tử Hóa đơn có mã khởi tạo từ máy tính tiền

STT	Số thông báo	Ngày cơ quan thuế gửi	Tên thông báo	Mã giao dịch	Kết quả thông báo
Không có dữ liệu hiển thị					

Tra cứu thông báo KTDL

Vào chức năng Tra cứu/ Thông báo từ CQT/ Thông báo 01/TB-KTDL

Danh sách thông báo 01/TB-KTDL

Bước 2: Nhập điều kiện tìm kiếm

Mã giao dịch Ngày gửi thông báo

Ngày gửi thông báo Từ ngày 21/09/2022 Đến ngày 20/10/2022 Kết quả thông báo Tất cả

Bước 3 Các nút chức năng

Có 75 kết quả

Bước 1: Chọn tab Hóa đơn có mã khởi tạo từ máy tính tiền

Khu vực danh sách kết quả

STT	Số thông báo	Ngày cơ quan thuế gửi	Tên thông báo	Mã giao dịch	Kết quả thông báo
1	220005236952	18/10/2022	Thông báo về việc kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử	V01012431504471FDEE54B04261BE5D4667406512AA	Thông báo kết quả đối chiếu sơ bộ thông tin gói dữ liệu hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền không hợp lệ
2	220005236769	17/10/2022	Thông báo về việc kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử	V010124315065A497CD98264C55A5190CD432AD9A8B	Thông báo kết quả đối chiếu sơ bộ thông tin gói dữ liệu hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền không hợp lệ
3	220005236696	17/10/2022	Thông báo về việc kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử	V01012431509A5EDA97122143B4B5611B5ECE738F79	Thông báo kết quả đối chiếu sơ bộ thông tin gói dữ liệu hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền không hợp lệ
4	220005236632	17/10/2022	Thông báo về việc kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử	V01012431509A5EDA97122143B4B5611B5ECE738F49	Thông báo kết quả đối chiếu sơ bộ thông tin gói dữ liệu hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền không hợp lệ
5	220005236527	17/10/2022	Thông báo về việc kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử	V01012431509A5EDA97122143B4B5611B5ECE738F39	Thông báo kết quả đối chiếu sơ bộ thông tin gói dữ liệu hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền không hợp lệ
6	220005236473	17/10/2022	Thông báo về việc kết quả kiểm tra dữ liệu hóa đơn điện tử	V01012431509A5EDA97122143B4B5611B5ECE738F29	Thông báo kết quả đối chiếu thông tin gói dữ liệu hợp lệ

Tra cứu thông báo TNĐT

Vào chức năng Tra cứu/ Thông báo từ CQT/ Thông báo 01/TB-TNĐT

Danh sách thông báo 01/TB-TNĐT

Bước 1: Nhập điều kiện tìm kiếm

Ngày gửi thông báo Từ ngày 21/09/2022 Đến ngày 20/10/2022 Kết quả thông báo Tất cả

Bước 2 **Tim kiếm** **Bỏ tìm kiếm** Các nút chức năng

Có 25 kết quả

Khu vực danh sách kết quả

STT	Số thông báo	Ngày cơ quan thuế gửi	Tên thông báo	Hình thức đăng ký	Kết quả thông báo
1	7903220000000185	20/10/2022	Về việc tiếp nhận tờ khai thay đổi thông tin sử dụng HĐĐT theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP	Thay đổi	Tiếp nhận
2	7903220000000184	19/10/2022	Về việc tiếp nhận tờ khai thay đổi thông tin sử dụng HĐĐT theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP	Thay đổi	Tiếp nhận
3	7903220000000182	18/10/2022	Về việc tiếp nhận tờ khai thay đổi thông tin sử dụng HĐĐT theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP	Thay đổi	Tiếp nhận
4	7903220000000181	11/10/2022	Về việc tiếp nhận tờ khai thay đổi thông tin sử dụng HĐĐT theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP	Thay đổi	Tiếp nhận
5	...	11/10/2022	Về việc không tiếp nhận tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng HĐĐT theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP		Không tiếp nhận
6	...	11/10/2022	Về việc không tiếp nhận tờ khai đăng ký/thay đổi thông tin sử dụng HĐĐT theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP		Không tiếp nhận
7	7903220000000168	10/10/2022	Về việc tiếp nhận tờ khai thay đổi thông tin sử dụng HĐĐT theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP	Thay đổi	Tiếp nhận
8	7903220000000167	10/10/2022	Về việc tiếp nhận tờ khai thay đổi thông tin sử dụng HĐĐT theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP	Thay đổi	Tiếp nhận

Tra cứu thông báo ĐKĐT

Vào chức năng Tra cứu/ Thông báo từ CQT/ Thông báo 01/TB-ĐKĐT

Danh sách thông báo 01/TB-ĐKĐT Bước 1: Nhập điều kiện tìm kiếm

Ngày gửi thông báo Từ ngày 21/09/2022 Đến ngày 20/10/2022 Kết quả thông báo Tất cả

Bước 2 **Tìm kiếm** **Bỏ tìm kiếm** Các nút chức năng

Có 11 kết quả Khu vực danh sách kết quả

STT	Số thông báo	Ngày cơ quan thuế gửi	Tên thông báo	Hình thức đăng ký	Kết quả thông báo
1	765/TB-CCTQ2-HĐĐT	20/10/2022	Tờ khai thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử	Thay đổi	Chấp nhận
2	764/TB-CCTQ2-HĐĐT	20/10/2022	Tờ khai thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử	Thay đổi	Chấp nhận
3	755/TB-CCTQ2-HĐĐT	18/10/2022	Tờ khai thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử	Thay đổi	Chấp nhận
4	708/TB-CCTQ2-HĐĐT	11/10/2022	Tờ khai thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử	Thay đổi	Chấp nhận
5	707/TB-CCTQ2-HĐĐT	11/10/2022	Tờ khai thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử	Thay đổi	Không chấp nhận
6	691/TB-CCTQ2-HĐĐT	10/10/2022	Tờ khai thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử	Thay đổi	Chấp nhận
7	688/TB-CCTQ2-HĐĐT	09/10/2022	Tờ khai thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử	Thay đổi	Chấp nhận
8	685/TB-CCTQ2-HĐĐT	09/10/2022	Tờ khai thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử	Thay đổi	Không chấp nhận

Tra cứu thông báo SSDT hoặc HĐSS

Vào chức năng Tra cứu/ Thông báo từ CQT/ Thông báo 01/TB-SSDT hoặc 01/TB-HĐSS

Danh sách thông báo 01/TB-SSDT hoặc 01/TB-HĐSS

Bước 2: Nhập điều kiện tìm kiếm

Ngày gửi thông báo Từ ngày 21/09/2022 Đến ngày 20/10/2022 Kết quả thông báo Tất cả

Bước 3 Tìm kiếm Bỏ tìm kiếm

Các nút chức năng

Có 4 kết quả

Bước 1: Chọn tab Hóa đơn có mã khởi tạo từ máy tính tiền

Khu vực danh sách kết quả

STT	Số thông báo	Ngày cơ quan thuế gửi	Tên thông báo	Kết quả thông báo
1	766/TB-HĐĐT	20/10/2022	Về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc hóa đơn điện tử đã lập có sai sót	Tiếp nhận
2	754/TB-HĐĐT	17/10/2022	Về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc hóa đơn điện tử đã lập có sai sót	Tiếp nhận
3	753/TB-HĐĐT	16/10/2022	Về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc hóa đơn điện tử đã lập có sai sót	Không tiếp nhận
4	692/TB-HĐĐT	10/10/2022	Về việc tiếp nhận và kết quả xử lý về việc hóa đơn điện tử đã lập có sai sót	Tiếp nhận



05

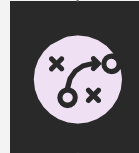
Lợi ích của HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền

LỢI ÍCH CỦA HĐĐT KHỞI TẠO TỪ MTT

Chủ động 24/7 trong việc lập hóa đơn, xử lý triệt độ trễ giữa thời điểm thanh toán và thời điểm lập hóa đơn

Không bắt buộc có chữ ký số của người bán trên từng hóa đơn

Người mua có thể nhận HĐĐT ngay khi thanh toán và tham gia chương trình “Hóa đơn may mắn”



Chủ động 24/7 trong việc xử lý sai sót nếu đã được cài đặt phần mềm HĐĐT từ máy tính tiền

Khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng HĐĐT MTT là khoản chi có đủ hóa đơn chứng từ hợp pháp khi xác định nghĩa vụ thuế

Cuối ngày NNT chuyển dữ liệu HĐĐT đã sử dụng trong ngày



CỤC THUẾ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

**ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH SỐ
91/2022/NĐ-CP SỬA ĐỔI, BỔ
SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
NGHỊ ĐỊNH 126/2020/NĐ - CP**



Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 23 tháng 03 năm 2023

Điểm mới thứ nhất: Quy định rõ hơn về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế

Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế, thời hạn cơ quan quản lý thuế giải quyết hồ sơ, thời hạn hiệu lực của quyết định cưỡng chế trùng với ngày nghỉ theo quy định thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày làm việc liền kề sau ngày nghỉ đó.

(Chi tiết tại Khoản 1 Điều 1 nghị định 91/2022/NĐ-CP)



Điểm mới thứ hai: Bổ sung quy định về khai thuế thu nhập cá nhân

Người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế trong các trường hợp sau đây:

“ Người khai thuế thu nhập cá nhân là tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc trường hợp khai thuế thu nhập cá nhân theo tháng, quý mà trong tháng quý đó **không phát sinh việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân** của đối tượng nhận thu nhập.”

(Chi tiết tại Khoản 2 Điều 1 nghị định 91/2022/NĐ-CP)





Điểm mới thứ ba: Điều chỉnh lại quy định về xác định tạm nộp thuế TNDN quý

Nghị định
91/2022/NĐ-CP

Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán năm.

Nghị định
126/2020/NĐ-CP

Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 03 quý đầu năm tính thuế không được thấp hơn 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm

(Chi tiết tại Khoản 3 Điều 1 nghị định 91/2022/NĐ-CP)



Điểm mới thứ ba: Điều chỉnh lại quy định về xác định tạm nộp thuế TNDN quý

Nghị định
91/2022/NĐ-CP

Trường hợp nộp thiếu thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 4 đến ngày liền kề trước ngày nộp thuế.

Nghị định
126/2020/NĐ-CP

Trường hợp nộp thiếu thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 03 đến ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước

(Chi tiết tại Khoản 3 Điều 1 nghị định 91/2022/NĐ-CP)



Điểm mới thứ tư: Sửa đổi quy định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Nghị định
91/2022/NĐ-CP

Tổng số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quyết toán năm.

Nghị định
126/2020/NĐ-CP

Tổng số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp của 03 quý đầu năm tính thuế không được thấp hơn 75% số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quyết toán năm

(Chi tiết tại Khoản 4 Điều 1 nghị định 91/2022/NĐ-CP)



Điểm mới thứ tư: Sửa đổi quy định lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Nghị định
91/2022/NĐ-CP

Trường hợp nộp thiếu thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

Nghị định
126/2020/NĐ-CP

Trường hợp nộp thiếu thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ quý 03 đến ngày nộp số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ còn thiếu vào ngân sách nhà nước

(Chi tiết tại Khoản 4 Điều 1 nghị định 91/2022/NĐ-CP)



Điểm mới thứ năm: Sửa đổi quy định thuế thu nhập doanh nghiệp của hãng vận tải nước ngoài tạm nộp

Nghị định
91/2022/NĐ-CP

Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm.

Nghị định
126/2020/NĐ-CP

Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 03 quý đầu năm tính thuế không được thấp hơn 75% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm

(Chi tiết tại Khoản 5 Điều 1 nghị định 91/2022/NĐ-CP)



Điểm mới thứ năm: Sửa đổi quy định thuế thu nhập doanh nghiệp của hãng vận tải nước ngoài tạm nộp

Nghị định
91/2022/NĐ-CP

Trường hợp nộp thiếu thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

Nghị định
126/2020/NĐ-CP

Trường hợp nộp thiếu thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp quý 03 đến ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước

(Chi tiết tại Khoản 5 Điều 1 nghị định 91/2022/NĐ-CP)



Điểm mới thứ sáu: Bổ sung quy định về Trách nhiệm cung cấp thông tin của sàn thương mại điện tử

1. Sàn thương mại điện tử phải cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và đúng hạn cho CQT của các thương nhân, tổ chức, cá nhân có giao dịch trên sàn thương mại. Thông tin cung cấp bao gồm: Tên người bán; mã số thuế (hoặc số định danh, CMND, CCCD, Hộ chiếu); địa chỉ; số điện thoại; doanh thu bán hàng.
2. Thời hạn và kỳ cung cấp thông tin: Theo quý, chậm nhất ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của quý tiếp theo.
3. Phương thức cung cấp thông tin: Nộp điện tử theo định dạng dữ liệu điện tử do TCT công bố

(Chi tiết tại Khoản 7 Điều 1 nghị định 91/2022/NĐ-CP)



Điểm mới thứ bảy: Thay thế mẫu thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn

Thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn theo [Mẫu số 04-1/CC](#) ban hành kèm theo **Nghị định 91/2022/NĐ-CP** thay thế [Mẫu số 04-1/CC](#) tại Phụ lục III ban hành kèm theo **Nghị định 126/2020/NĐ-CP**

(Chi tiết tại Khoản 9 Điều 1 nghị định 91/2022/NĐ-CP)



NGOÀI RA

Khoản 6 Điều 1

Sửa đổi quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế bảo vệ môi trường đối với than khai thác và tiêu thụ nội địa

Khoản 8 Điều 1

Bổ sung quy định về khai và nộp thuế TNCN đối với cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán, cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận thưởng bằng chứng khoán...

Hiệu lực thi hành



Nghị định 91/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/10/2022.

Riêng Thuế TNDN quy định tại khoản 3; 4; 5 điều 1 áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2021 được quy định cụ thể như sau:

Tính đến ngày 30.10.2022 Số thuế tạm nộp 03 quý đầu không thấp hơn 75% số thuế phải nộp theo quyết toán năm 2021 thì Không áp dụng quy định tạm nộp 04 quý tại khoản 3;4;5 điều 1.

Tính đến ngày 30.10.2022 Số thuế tạm nộp 03 quý đầu thấp hơn 75% số thuế phải nộp theo quyết toán năm 2021 thì áp dụng quy định tạm nộp 04 quý tại khoản 3;4;5 điều 1 nếu không tăng thêm số tiền chậm nộp.

Quy định về Trường hợp đã thanh kiểm tra khi áp dụng quy định tạm nộp tại khoản 3; 4; 5 được giảm tiền chậm nộp thì NNT làm văn bản đề nghị điều chỉnh giảm tiền chậm nộp theo mẫu 01/GTCN (ban hành kèm theo nghị định này)





CỤC THUẾ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

THÔNG TƯ SỐ 79/2022/TT-BTC

Có hiệu lực từ 1/1/2023

ĐIỂM MỚI VỀ HỒ SƠ GIẢM TRỪ GIA CẢNH
CHO NGƯỜI PHỤ THUỘC NĂM 2023



Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 23 tháng 03 năm 2023

Điều 1. Quy định mới sửa đổi, bổ sung về hồ sơ chứng minh người phụ thuộc tại Điểm g khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, cụ thể:

Thông tư số 111/2013/TT-BTC	Thông tư 79/2022/TT-BTC
“g) Hồ sơ chứng minh người phụ thuộc	“g) Hồ sơ chứng minh người phụ thuộc
g.1) Đối với con:	g.1) Đối với con:
g.1.1) Con dưới 18 tuổi: Hồ sơ chứng minh là bản chụp Giấy khai sinh và bản chụp Chứng minh nhân dân (nếu có).	g.1.1) Con dưới 18 tuổi: Hồ sơ chứng minh là bản chụp Giấy khai sinh và bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân (nếu có) .
g.1.2) Con từ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật, không có khả năng lao động, hồ sơ chứng minh gồm:	g.1.2) Con từ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật, không có khả năng lao động, hồ sơ chứng minh gồm:
g.1.2.1) Bản chụp Giấy khai sinh và bản chụp Chứng minh nhân dân (nếu có).	g.1.2.1) Bản chụp Giấy khai sinh và bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân (nếu có) .
g.1.2.2) Bản chụp Giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật.	g.1.2.2) Bản chụp Giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật.

Điều 1. Quy định mới sửa đổi, bổ sung về hồ sơ chứng minh người phụ thuộc tại Điểm g khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, cụ thể:

Thông tư số 111/2013/TT-BTC	Thông tư 79/2022/TT-BTC
g.1.3) Con đang theo học tại các bậc học theo hướng dẫn tại tiết d.1.3, điểm d, khoản 1, Điều này, hồ sơ chứng minh gồm:	g.1.3) Con đang theo học tại các bậc học theo hướng dẫn tại tiết d.1.3, điểm d, khoản 1, Điều này, hồ sơ chứng minh gồm:
g.1.3.1) Bản chụp Giấy khai sinh.	g.1.3.1) Bản chụp Giấy khai sinh.
g.1.3.2) Bản chụp Thẻ sinh viên hoặc bản khai có xác nhận của nhà trường hoặc giấy tờ khác chứng minh đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông hoặc học nghề.	g.1.3.2) Bản chụp Thẻ sinh viên hoặc bản khai có xác nhận của nhà trường hoặc giấy tờ khác chứng minh đang theo học tại các trường học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông hoặc học nghề.
g.1.4) Trường hợp là con nuôi, con ngoài giá thú, con riêng thì ngoài các giấy tờ theo từng trường hợp nêu trên, hồ sơ chứng minh cần có thêm giấy tờ khác để chứng minh mối quan hệ như: bản chụp quyết định công nhận việc nuôi con nuôi, quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con của cơ quan nhà nước có thẩm quyền...	g.1.4) Trường hợp là con nuôi, con ngoài giá thú, con riêng thì ngoài các giấy tờ theo từng trường hợp nêu trên, hồ sơ chứng minh cần có thêm giấy tờ khác để chứng minh mối quan hệ như: bản chụp quyết định công nhận việc nuôi con nuôi, quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con của cơ quan nhà nước có thẩm quyền...

KHÔNG THAY ĐỔI

Điều 1. Quy định mới sửa đổi, bổ sung về hồ sơ chứng minh người phụ thuộc tại Điểm g khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, cụ thể:

Thông tư số 111/2013/TT-BTC	Thông tư 79/2022/TT-BTC
g.2) Đối với vợ hoặc chồng, hồ sơ chứng minh gồm:	g.2) Đối với vợ hoặc chồng, hồ sơ chứng minh gồm:
- Bản chụp Chứng minh nhân dân.	- Bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân.
- Bản chụp sổ hộ khẩu (chứng minh được mối quan hệ vợ chồng) hoặc Bản chụp Giấy chứng nhận kết hôn.	- Bản chụp Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc giấy tờ khác do cơ quan Cơ quan Công an cấp (chứng minh được mối quan hệ vợ chồng) hoặc Bản chụp Giấy chứng nhận kết hôn.
Trường hợp vợ hoặc chồng trong độ tuổi lao động thì ngoài các giấy tờ nêu trên hồ sơ chứng minh cần có thêm giấy tờ khác chứng minh người phụ thuộc không có khả năng lao động như bản chụp Giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật đối với người khuyết tật không có khả năng lao động, bản chụp hồ sơ bệnh án đối với người mắc bệnh không có khả năng lao động (như bệnh AIDS, ung thư, suy thận mãn,...).	Trường hợp vợ hoặc chồng trong độ tuổi lao động thì ngoài các giấy tờ nêu trên hồ sơ chứng minh cần có thêm giấy tờ khác chứng minh người phụ thuộc không có khả năng lao động như bản chụp Giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật đối với người khuyết tật không có khả năng lao động, bản chụp hồ sơ bệnh án đối với người mắc bệnh không có khả năng lao động (như bệnh AIDS, ung thư, suy thận mãn,...).

Điều 1. Quy định mới sửa đổi, bổ sung về hồ sơ chứng minh người phụ thuộc tại Điểm g khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, cụ thể:

Thông tư số 111/2013/TT-BTC	Thông tư 79/2022/TT-BTC
g.3) Đối với cha đẻ, mẹ đẻ, cha vợ, mẹ vợ (hoặc cha chồng, mẹ chồng), cha dượng, mẹ kế, cha nuôi hợp pháp, mẹ nuôi hợp pháp hồ sơ chứng minh gồm:	g.3) Đối với cha đẻ, mẹ đẻ, cha vợ, mẹ vợ (hoặc cha chồng, mẹ chồng), cha dượng, mẹ kế, cha nuôi hợp pháp, mẹ nuôi hợp pháp hồ sơ chứng minh gồm:
<ul style="list-style-type: none"> - Bản chụp Chứng minh nhân dân. - Giấy tờ hợp pháp để xác định mối quan hệ của người phụ thuộc với người nộp thuế như bản chụp sổ hộ khẩu (nếu có cùng sổ hộ khẩu), giấy khai sinh, quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân. - Giấy tờ hợp pháp để xác định mối quan hệ của người phụ thuộc với người nộp thuế như bản chụp Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc giấy tờ khác do cơ quan Cơ quan Công an cấp, giấy khai sinh, quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
Trường hợp trong độ tuổi lao động thì ngoài các giấy tờ nêu trên, hồ sơ chứng minh cần có thêm giấy tờ chứng minh là người khuyết tật, không có khả năng lao động như bản chụp Giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật đối với người khuyết tật không có khả năng lao động, bản chụp hồ sơ bệnh án đối với người mắc bệnh không có khả năng lao động (như bệnh AIDS, ung thư, suy thận mãn,...).	Trường hợp trong độ tuổi lao động thì ngoài các giấy tờ nêu trên, hồ sơ chứng minh cần có thêm giấy tờ chứng minh là người khuyết tật, không có khả năng lao động như bản chụp Giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật đối với người khuyết tật không có khả năng lao động, bản chụp hồ sơ bệnh án đối với người mắc bệnh không có khả năng lao động (như bệnh AIDS, ung thư, suy thận mãn,...).

Điều 1. Quy định mới sửa đổi, bổ sung về hồ sơ chứng minh người phụ thuộc tại Điểm g khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, cụ thể:

Thông tư số 111/2013/TT-BTC	Thông tư 79/2022/TT-BTC
g.4) Đối với các cá nhân khác theo hướng dẫn tại tiết d.4, điểm d, khoản 1, Điều này hồ sơ chứng minh gồm:	g.4) Đối với các cá nhân khác theo hướng dẫn tại tiết d.4, điểm d, khoản 1, Điều này hồ sơ chứng minh gồm:
g.4.1) Bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Giấy khai sinh.	g.4.1) Bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Giấy khai sinh.
g.4.2) Các giấy tờ hợp pháp để xác định trách nhiệm nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.	g.4.2) Các giấy tờ hợp pháp để xác định trách nhiệm nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.
Trường hợp người phụ thuộc trong độ tuổi lao động thì ngoài các giấy tờ nêu trên, hồ sơ chứng minh cần có thêm giấy tờ chứng minh không có khả năng lao động như bản chụp Giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật đối với người khuyết tật không có khả năng lao động, bản chụp hồ sơ bệnh án đối với người mắc bệnh không có khả năng lao động (như bệnh AIDS, ung thư, suy thận mãn,...).	Trường hợp người phụ thuộc trong độ tuổi lao động thì ngoài các giấy tờ nêu trên, hồ sơ chứng minh cần có thêm giấy tờ chứng minh không có khả năng lao động như bản chụp Giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật đối với người khuyết tật không có khả năng lao động, bản chụp hồ sơ bệnh án đối với người mắc bệnh không có khả năng lao động (như bệnh AIDS, ung thư, suy thận mãn,...).
Các giấy tờ hợp pháp tại tiết g.4.2, điểm g, khoản 1, Điều này là bất kỳ giấy tờ pháp lý nào xác định được mối quan hệ của người nộp thuế với người phụ thuộc như:	Các giấy tờ hợp pháp tại tiết g.4.2, điểm g, khoản 1, Điều này là bất kỳ giấy tờ pháp lý nào xác định được mối quan hệ của người nộp thuế với người phụ thuộc như:
- Bản chụp giấy tờ xác định nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật (nếu có).	- Bản chụp giấy tờ xác định nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật (nếu có).
- Bản chụp sổ hộ khẩu (nếu có cùng sổ hộ khẩu).	- Bản chụp Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc giấy tờ khác do cơ quan Cơ quan Công an cấp.

Điều 1. Quy định mới sửa đổi, bổ sung về hồ sơ chứng minh người phụ thuộc tại Điểm g khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, cụ thể:

Thông tư số 111/2013/TT-BTC	Thông tư 79/2022/TT-BTC
<p>- Bản chụp đăng ký tạm trú của người phụ thuộc (nếu không cùng sổ hộ khẩu).</p>	
<p>- Bản tự khai của người nộp thuế theo mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nộp thuế cư trú về việc người phụ thuộc đang sống cùng.</p>	<p>- Bản tự khai của người nộp thuế theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nộp thuế cư trú về việc người phụ thuộc đang sống cùng.</p>
<p>- Bản tự khai của người nộp thuế theo mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người phụ thuộc đang cư trú về việc người phụ thuộc hiện đang cư trú tại địa phương và không có ai nuôi dưỡng (trường hợp không sống cùng).</p>	<p>- Bản tự khai của người nộp thuế theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người phụ thuộc đang cư trú về việc người phụ thuộc hiện đang cư trú tại địa phương và không có ai nuôi dưỡng (trường hợp không sống cùng).</p>

KHÔNG THAY ĐỔI

Điều 1. Quy định mới sửa đổi, bổ sung về hồ sơ chứng minh người phụ thuộc tại Điểm g khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, cụ thể:

Thông tư số 111/2013/TT-BTC	Thông tư 79/2022/TT-BTC
g.5) Cá nhân cư trú là người nước ngoài, nếu không có hồ sơ theo hướng dẫn đối với từng trường hợp cụ thể nêu trên thì phải có các tài liệu pháp lý tương tự để làm căn cứ chứng minh người phụ thuộc.	g.5) Cá nhân cư trú là người nước ngoài, nếu không có hồ sơ theo hướng dẫn đối với từng trường hợp cụ thể nêu trên thì phải có các tài liệu pháp lý tương tự để làm căn cứ chứng minh người phụ thuộc.
g.6) Đối với người nộp thuế làm việc trong các tổ chức kinh tế, các cơ quan hành chính, sự nghiệp có bố, mẹ, vợ (hoặc chồng), con và những người khác thuộc diện được tính là người phụ thuộc đã khai rõ trong lý lịch của người nộp thuế thì hồ sơ chứng minh người phụ thuộc thực hiện theo hướng dẫn tại các tiết g.1, g.2, g.3, g.4, g.5, điểm g, khoản 1, Điều này hoặc chi cần Tờ khai đăng ký người phụ thuộc theo mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị vào bên trái tờ khai.	g.6) Đối với người nộp thuế làm việc trong các tổ chức kinh tế, các cơ quan hành chính, sự nghiệp có bố, mẹ, vợ (hoặc chồng), con và những người khác thuộc diện được tính là người phụ thuộc đã khai rõ trong lý lịch của người nộp thuế thì hồ sơ chứng minh người phụ thuộc thực hiện theo hướng dẫn tại các tiết g.1, g.2, g.3, g.4, g.5, điểm g, khoản 1, Điều này hoặc chi cần Tờ khai đăng ký người phụ thuộc theo mẫu ban hành kèm Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị vào bên trái tờ khai.
Thủ trưởng đơn vị chỉ chịu trách nhiệm đối với các nội dung sau: họ tên người phụ thuộc, năm sinh và quan hệ với người nộp thuế; các nội dung khác, người nộp thuế tự khai và chịu trách nhiệm.	Thủ trưởng đơn vị chỉ chịu trách nhiệm đối với các nội dung sau: họ tên người phụ thuộc, năm sinh và quan hệ với người nộp thuế; các nội dung khác, người nộp thuế tự khai và chịu trách nhiệm.
	g.7) Kể từ ngày Cơ quan thuế thông báo hoàn thành việc kết nối dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, người nộp thuế không phải nộp các giấy tờ chứng minh người phụ thuộc nêu trên nếu thông tin trong những giấy tờ này đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.”

ĐIỂM MỚI

1. Bổ sung thêm CCCD, thông báo số định danh cá nhân

2. Bãi bỏ hồ sơ là sổ hộ khẩu thay vào đó là giấy xác nhận thông tin cư trú

3. Kể từ ngày Cơ quan thuế thông báo hoàn thành việc kết nối với cơ quan dữ liệu quốc gia về dân cư thì không phải nộp giấy tờ nêu trên

THÔNG TƯ SỐ 79/2022/TT-BTC



THÔNG TƯ SỐ 79/2022/TT-BTC

Điều 2. Bãi bỏ Thông tư số **20/2014/TT-BTC** ngày 12/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô theo chế độ tài sản di chuyển của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã được giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số Biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số **22/2019/TT-BTC** ngày 16/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số **12/2015/TT-BTC** ngày 30/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan





CỤC THUẾ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

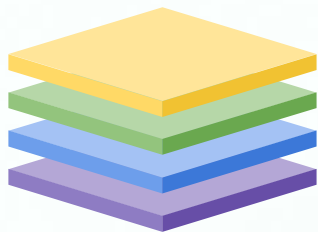
**GIẢM TIỀN THUÊ ĐẤT,
THUÊ MẶT NƯỚC CỦA NĂM
2022 ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI
TƯỢNG BỊ ẢNH HƯỞNG
BỞI DỊCH COVID-19**

**(Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg
ngày 31/01/2023)**



Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 23 tháng 03 năm 2023

Nội dung



Đối tượng áp dụng



Mức giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước



Hồ sơ giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước



Thời hạn nộp hồ sơ



Trình tự, thủ tục giảm tiền thuê đất,
thuê mặt nước



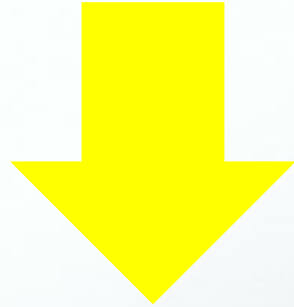
1. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Là tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất, thuê mặt nước trực tiếp theo Quyết định/Hợp đồng/Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất, thuê mặt nước hằng năm.

Quy định này áp dụng cho cả trường hợp người thuê đất, thuê mặt nước không thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất và trường hợp người thuê đất, thuê mặt nước đang được giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai (Luật Đất đai và các văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai) và pháp luật khác có liên quan.



2. Mức giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước



30%





KHÔNG GIẢM



Trên số tiền thuê đất, thuê mặt nước còn nợ của các năm trước năm 2022 và tiền chậm nộp (nếu có)



3. Hồ sơ giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước

- Giấy đề nghị giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước năm 2022 theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg.
- Quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước hoặc Hợp đồng cho thuê đất, thuê mặt nước hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao)..



4. THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ

Từ ngày **31/01/2023** đến
hết ngày **31/3/2023**

Lưu ý: Không áp dụng giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg đối với trường hợp người thuê đất, thuê mặt nước nộp hồ sơ sau ngày 31/3/2023

5. Trình tự, thủ tục giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước

Người thuê đất, thuê mặt nước nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước (**bằng phương thức điện tử hoặc phương thức khác**) cho cơ quan thuế, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, cơ quan khác theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm **Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2023.**

Không áp dụng giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại Quyết định này đối với trường hợp người thuê đất, thuê mặt nước nộp hồ sơ **sau ngày 31 tháng 3 năm 2023**



THỜI HẠN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Cơ quan thuế giải quyết hồ sơ trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định



Trường hợp người thuê đất, thuê mặt nước đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của Quyết định này nhưng sau đó cơ quan quản lý nhà nước phát hiện qua thanh tra, kiểm tra việc người thuê đất, thuê mặt nước không thuộc trường hợp được giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại Quyết định này thì người thuê đất, thuê mặt nước phải hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền thuê đất, thuê mặt nước đã được giảm và tiền chậm nộp tính trên số tiền được giảm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Trường hợp người thuê đất, thuê mặt nước đã nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 mà sau khi cơ quan có thẩm quyền xác định và quyết định giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước có phát sinh thừa tiền thuê đất, thuê mặt nước thì được trừ số tiền đã nộp thừa vào tiền thuê đất, thuê mặt nước của kỳ sau hoặc năm tiếp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan; trường hợp không còn kỳ phải nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước tiếp theo thì thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả số tiền nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.



CỤC THUẾ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

THÔNG TƯ 13/2023/TT-BTC SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ THUẾ GTGT



Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 23 tháng 03 năm 2023

1

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số **219/2013/TT-BTC** ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số **26/2015/TT-BTC** ngày 27 tháng 02 năm 2015, Thông tư số **130/2016/TT-BTC** ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính)

+ Sửa đổi bổ sung [khoản 10 Điều 7](#) như sau: Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, giá tính thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định tại [khoản 1 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP](#) ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ.

+ Sửa đổi, bổ sung [khoản 13 Điều 7](#) như sau: Giá tính thuế đối với hoạt động sản xuất điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện theo quy định tại [khoản 1 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP](#) ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ.

+ Thay thế [khoản 2, khoản 3 Điều 18](#) bằng khoản 2 mới như sau: Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư theo quy định tại [khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP](#) ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ.



2

Sửa đổi, bổ sung điểm a.4 khoản 2 Điều 28 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính như sau

Đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại [**khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP**](#) ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ: Bản sao một trong các hình thức Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận về kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện



Hiệu lực thi hành



Thông tư này có hiệu lực
kể từ ngày 14 tháng 4
năm 2023

3

CẢM ƠN

